

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 16-12-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Triều.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Hoàng Giang.

Bà Trần Thị Hoài Yên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:** Ông Võ Việt Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 314/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 524/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Bé T1, sinh năm 1996 (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp G, xã Đ, huyện C, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh T2, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp G, xã P, huyện P, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 09 năm 2022 nguyên đơn bà Lê Thị Bé T1 trình bày: Bà và ông Nguyễn Minh T2 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh C. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến tháng 4 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, cự cãi và vợ chồng không còn chung sống chung sống từ thời gian đó đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, sự chia sẻ trong cuộc

sống vợ chồng không có, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Minh T2. Trong quá trình chung sống bà và ông T2 có một người con chung tên Nguyễn Công L, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2016 con chung đang do ông T2 trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu giao con chung cho ông T2 trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Đối với ông Nguyễn Minh T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng ông T2 vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bé T1. Cho bà T1 ly hôn với ông Nguyễn Minh T2; giao con chung cho ông Nguyễn Minh T2 trực tiếp nuôi dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Bé T1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Minh T2, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Lê Thị Bé T1 là nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Lê Thị Bé T1. Ông Nguyễn Minh T2 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Minh T2.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Bé T1 và ông Nguyễn Minh T2 tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh C nên hôn nhân của bà Lê Thị Bé T1 với ông Nguyễn Minh T2 là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Bà T1 yêu cầu giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Minh T2. Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Minh T2 nhiều lần để tham gia xét xử nhưng ông T2 vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu của bà Lê Thị Bé T1. Bà T1 cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn chung sống từ tháng 4 năm 2020 đến nay. Điều này cho thấy vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên tình trạng hôn nhân giữa bà Lê Thị Bé T1 với ông Nguyễn Minh T2 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Bé T1 về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh T2.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà Lê Thị Bé Thỏa với ông Nguyễn Minh T2 có một người con chung tên Nguyễn Công L, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2016, con chung do ông T2 đang trực tiếp nuôi dưỡng, bà T1 yêu cầu giao con chung cho ông T2 trực tiếp nuôi dưỡng. Tòa án có tổng đạt thông báo thụ lý cho ông Nguyễn Văn T2 nhưng ông T2 không có ý kiến gì về yêu cầu của bà T1 về việc giao con chung cho ông T2 trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi bà T1 và ông T2 không còn chung sống đến nay con chung do ông T2 trực tiếp nuôi dưỡng. Để bảo đảm quyền lợi của con chung và sự ổn định của cuộc sống người con chung nên Hội đồng xét xử giao người con chung tên Nguyễn Công L, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2016 cho ông Nguyễn Minh T2 trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Lê Thị Bé T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Ông T2 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung bà Lê Thị Bé T1, ông Nguyễn Minh T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị như nêu trên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lê Thị Bé T1 phải chịu 300.000đ, bà T1 đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Bé T1 và ông Nguyễn Minh T2.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Công L, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2016 cho ông Nguyễn Minh T2 trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Lê Thị Bé T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Lê Thị Bé T1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0018216 ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà T1 đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã P, huyện P, tỉnh C
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Việt Triều**